TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN G** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Loan

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Ông Trần Gia Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1633/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương Y, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 2 (số mới 3) đường Nguyễn Văn L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn B – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Văn phòng luật sư B.Đ.S Tín P. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đặng Phú Q, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 2 (số mới 3) đường Nguyễn Văn L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2020 và lời khai tại tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Y trình bày:

Bà và ông Đặng Phú Q tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 06/01/2000 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, do không hiểu nhau, thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung nặng nề, mệt mỏi, bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Thị Kim N, sinh ngày 25/12/2000 (trưởng thành) và Đặng Nguyễn Phước L, sinh ngày 16/7/2009. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng Đặng Nguyễn Phước L, yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên toà đối với bị đơn là ông Đặng Phú Q nhưng ông Q đều vắng mặt, không có lý do.

Do ông Q vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Y có mặt. Bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Luật sư Lê Văn B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y: bà Y được ly hôn với ông Q; về con chung: Đặng Thị Kim N, sinh ngày 25/12/2000 (trưởng thành) và Đặng Nguyễn Phước L, sinh ngày 16/7/2009, bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Phú Q vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Y yêu cầu ly hôn với ông Q là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Thị Kim N, sinh ngày 25/12/2000 (trưởng thành) và Đặng Nguyễn Phước L, sinh ngày 16/7/2009. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng Đặng Nguyễn Phước L có cơ sở để chấp nhận, ghi nhận việc bà Y không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Phương Y nộp đơn khởi kiện vụ án ly hôn với ông Đặng Phú Q, ông Đặng Phú Q có địa chỉ cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Đặng Phú Q, theo Giấy đăng ký kết hôn ghi tên Đặng Phú Quý, bản sao căn cước công dân ghi tên Đặng Phú Quí, căn cứ tài liệu chứng cứ do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G cung cấp (Tờ khai đăng ký kết hôn, bản sao Giấy khai sinh Đặng Phú Quí, sổ hộ khẩu Đặng Phú Quí) thể hiện ông Đặng Phú Quý cũng là Đặng Phú Quí. Tòa án nhân dân quận G tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Đặng Phú Q theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Q vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

Do ông Q không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên trong hồ sơ không có ý kiến của ông Q, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Y cung cấp, do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng Phú Q;

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Y và ông Q tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 06/01/2000 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, như vậy hôn nhân giữa bà Y và ông Q là hợp pháp.

Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường 16, quận G có nội dung chính quyền địa phương chưa ghi nhận mâu thuẫn của bà Y và ông Q; hiện bà Y và ông Q sống tại đường Nguyễn Văn L, Phường A, quận G, có 02 người con chung; các thông tin khác chưa có cơ sở để xác minh.

Nguyên đơn bà Y xác định mâu thuẫn giữa bà và ông Q ngày càng trầm trọng, vợ chồng không hiểu nhau, thường hay cãi vã. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết nhiều lần nhưng ông Q đều vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Từ đó, cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà Y và ông Q không đạt được, mâu thuẫn giữa đôi bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc gia đình là phải được xây dựng từ sự tự nguyện, từ tình cảm của cả hai phía, bà Y khẳng định tình cảm không còn. Đồng thời ông Lê Văn B là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y. Từ các phân tích trên, bà Y yêu cầu ly hôn với ông Q là có cơ sở để chấp nhận. Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 06/01/2000 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận G không còn giá trị pháp lý.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Thị Kim N, sinh ngày 25/12/2000 (trưởng thành) và Đặng Nguyễn Phước L, sinh ngày 16/7/2009. Bà Y yêu cầu được nuôi dưỡng Đặng Nguyễn Phước L, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bà Y yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, tại phiên tòa, bà Y thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không làm thay đổi bản chất vụ án cũng như quan hệ tranh chấp và không vượt quá phạm vi khởi kiện. Căn cứ vào Điều 5 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, người con chung Đặng Thị Kim N đã trưởng thành, bà Y đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho người con chung tên Đặng Nguyễn Phước L, để đảm bảo việc phát triển của con chung nên bà Y yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Đặng Nguyễn Phước L là có cơ sở để chấp nhận và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Xét ý kiến của ông Lê Văn B đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Y là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà Y không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0027713 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương Y được ly hôn với ông Đặng Phú Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 06/01/2000 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Phương Y và ông Đặng Phú Q không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: 02 con chung tên Đặng Thị Kim N, sinh ngày 25/12/2000 (trưởng thành) và Đặng Nguyễn Phước L, sinh ngày 16/7/2009.

Bà Nguyễn Thị Phương Y trực tiếp nuôi dưỡng Đặng Nguyễn Phước L, sinh ngày 16/7/2009.

Ông Đặng Phú Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), bà Nguyễn Thị Phương Y phải chịu nhưng được cấn trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0027713 ngày 25/12/2020 của Chi

cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Phương Y đã nộp đủ án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc